

VOCABULARY

ladybug



瓢虫

piáo chóng

potstickers



锅贴

guō tiē

green beans



四季豆

sì jì dòu

tofu



豆腐

dòu fu

watermelon



西瓜

xī guā

soy sauce



酱油

jiàng yóu

fried rice



炒饭

chǎo fàn

lobster noodles



龙虾面

lóng xiā miàn

tea



茶

chá

soup dumplings



小笼包

xiǎo lóng bāo

spring rolls



春卷

chūn juǎn